

Những Khái Niệm Căn Bản Giúp Hiểu Hơn Về Đạo Trung Dung Của Nho Gia – Một Triết Lý Sống Dẫn Đến Cùng Đích Nhân Sinh

Basic Concepts for Better Understanding Confucian Doctrine of the Mean – A Philosophy of Life Leading to the Ultimate Human Purpose.

Trịnh Thái Sơn, S.J. ^{1*}

¹ Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam

* Email của tác giả liên hệ: don.thaison@gmail.com

[doi:https://doi.org/10.54855/csl.244311](https://doi.org/10.54855/csl.244311)

© Copyright (c) 2024 Trịnh Thái Sơn

Received: 31/07/2024

Revision: 17/09/2024

Accepted: 27/09/2024

Online: 28/09/2024

Tóm lược

Tu thân và truy cầu cái Thiện là đích nhắm của triết lý Trung Hoa. Do đó, triết lý Trung Hoa quan tâm đến cách thức làm thế nào để sống hạnh phúc và sống tốt vượt trên mọi quan tâm về phương pháp luận. Đồng thời, những tư tưởng của Đông phương thường được diễn tả bằng những châm ngôn, ẩn ngữ và ngụ ngôn ngắn gọn, nhưng lại rất sâu sắc và đùng chạm mạnh đến con người. Một trong những bậc thầy lớn ảnh hưởng đến nền triết lý Trung Hoa là Khổng Tử, ông đã ảnh hưởng nhiều đến việc hình thành tư tưởng về đạo Trung Dung, nhằm chỉ ra con đường hướng con người đến cùng đích nhân sinh là sự Thiện Tối Cao. Bài viết này tập trung tìm hiểu các khái niệm Thiên 天, Đạo 道, Nhân 仁, Thành 誠, và Thánh Nhân 聖人. Những khái niệm dẫu rất căn bản nhưng vô cùng quan trọng để hiểu hơn Trung Dung – con đường dẫn đến sự Thiện.

Từ khóa: Đối Thoại Liên Tôn, Chăm Sóc Ngôi Nhà Chung, Tình Bằng Hữu, Giáo Hội

Abstract

Self-cultivation and the pursuit of Goodness are the goals of Chinese philosophy. Therefore, Chinese philosophy is concerned with how to live happily and live well, transcending concerns about methodology. At the same time, Eastern thoughts are often expressed in brief sayings, aphorisms, and parables, but they are profound and strongly resonate with people. One of the great masters who influenced Chinese philosophy was Confucius, who had a significant impact on the formation of the concept of the Doctrine of the Mean, which points the way for people to reach the ultimate purpose of life – the Supreme Good. This article focuses on exploring the concepts of Heaven (天), the Way (道), Benevolence (仁), Sincerity (誠), and the Sage (聖人). These concepts, although very basic, are incredibly important for better understanding the Doctrine of the Mean – the path leading to Goodness.

Keywords: Interfaith Dialogue, Care for Our Common Home, Friendship, Church

Dẫn Nhập

Tư tưởng Nho gia về cùng đích nhân sinh có thể được hiểu ngắn gọn rằng: con người vốn được ban cho bản tính Thiện, tuy nhiên trong kiếp nhân sinh, con người phải đối diện với nhiều thử thách và đổi thay vốn ảnh hưởng đến tính Thiện ấy. Do vậy, mục đích của kiếp nhân sinh chính là làm sao được phát huy tối đa tính Thiện nơi mình, khi đó sẽ đạt đến sự hợp nhất với Thiên. Khổng Tử đã “khám phá” ra đạo Trung Dung, sau đó được cháu nội là Khổng Cấp tổng hợp lại và diễn giải thêm qua tác phẩm cùng tên “Trung Dung,” nhằm chỉ ra con đường hướng con người đến cùng đích nhân sinh là sự Thiện Tối Cao.

Bài viết này sẽ khám phá tư tưởng Nho gia về *Thiên* 天, *Đạo* 道, *Nhân* 仁, *Thành* 誠, *Thánh Nhân* 聖人, những khái niệm đầu rất căn bản nhưng vô cùng quan trọng và liên hệ trực tiếp đến đạo Trung Dung. Khi con người đạt đến đích của đạo Trung Dung, là khi con người trở nên thánh nhân 聖人, đạt chữ Thành 誠, sống đức Nhân 仁 cách trọn vẹn, luôn nương theo Đạo 道 và hợp nhất với Thiên 天.

Thiên 天 và Đạo 道

Thiên 天

Quan niệm về Thiên trước Khổng Tử

Từ thời cổ đại Trung Quốc, Thiên được quan niệm là luôn có liên hệ với con người, hơn nữa lấy con người làm trung tâm và lấy hình tượng đỉnh đầu con người chỉ sự thờ Thiên, nên không bao giờ Thiên và con người rời nhau. Thời ấy, Thiên chỉ là vũ trụ và bầu trời thăm thẳm, chứ không phải là siêu tự nhiên. Đến thời Hạ, Thương và Chu mới bắt đầu hàm ý nhân cách thần của Thiên, vốn có công năng chi phối biến đổi trong bầu trời và khống chế vương quyền nhân sự trên mặt đất.¹ Như thế, có thể hiểu Thiên theo hai nghĩa, đó là (1) bầu trời hay vũ trụ tự nhiên, và (2) một Đấng có thẩm quyền trên con người và vạn vật. Dựa trên đó, đến thời các Nho Gia cũng hấp thụ những cốt yếu về nghĩa của Thiên. Đa phần đều xem Thiên là một loại vận mệnh và định mệnh của tính tất nhiên ngoại tại. Đồng thời, con người có khả năng thuận theo tính tất nhiên ấy của Thiên.² Bên cạnh đó, Thiên trong khái niệm Trung Hoa cũng hay được hiểu như là Thượng Đế và là một khái niệm tối cao.³ Tóm lại, Thiên là một khái niệm cốt của triết lý Trung Hoa, có thể được hiểu theo hai nghĩa chính: (1) thực tại vô hạn khách quan (bầu trời, vũ trụ) và (2) Thượng Đế - khái niệm tối cao. Với niềm tin tôn giáo cổ đại, Thiên có ý chí⁴ và là chủ tể của vũ trụ.⁵ Phần tiếp theo, bài viết đào sâu quan niệm về Thiên của Khổng Tử.

Quan niệm về Thiên của Khổng Tử

Ngay những chữ đầu trong Trung Dung đã nhắc đến Thiên và Đạo: “Thiên mệnh chi vị tính, suất tính chi vị Đạo, tu Đạo chi vị giáo.” Dù không diễn giải dài dòng về Thiên, nhưng chắc chắn Khổng Tử ý thức Thiên là một thực tại siêu việt, cao cả vô cùng, tốt lành tốt bậc vốn phú ban cho con người sự thiện ngay từ khi ra đời. Đồng thời, Thiên cũng là đích điểm mà con người hằng khao khát vươn tới để hợp nhất trong kiếp sống làm người của mình. Khổng Tử tin rằng chính Thiên ban phận sự cho con người, chẳng hạn ban cho vua Nghiêu làm vua để giảng dạy cho học trò, và chăm sóc cho dân (*Luận Ngữ* XX, 1). Thêm vào đó, mọi vận hành của vũ

¹ Sầm Hiền An & other, *Thiên*, trans. Nguyễn Duy Hinh (HCM: NXB Khoa học Xã hội, 2003), 19.

² Ibid.

³ Zhang Dainian, *Key Concepts in Chinese Philosophy*, trans. Edmund Ryden (USA: Yale University Press, 2002), 3.

⁴ Đến nay, việc nhìn nhận Thiên có ý chí hay không có ý chí vẫn nằm trong vòng tranh luận của hai hướng trái chiều.

⁵ Zhang Dainian, *Op.cit.*, 4.

trụ được Thiên thiết lập cách tốt đẹp và sự vận hành ấy được gọi là Đạo. Nếu con người sống hài hòa theo Thiên Ý, ắt sẽ đạt đến hạnh phúc an vui. Nhìn chung, cách hiểu của Khổng Tử về Thiên cũng được truyền thông nuôi dưỡng, vì không khác là mấy so với quan niệm về Thiên trước thời ông. Ông vừa quan niệm Thiên là tự nhiên khách quan lại cũng thừa nhận thần tính của Thiên khi nói đến Thiên mệnh.

Vì Thiên siêu việt và cao cả vô cùng, vượt trên những giác quan thông thường của con người, nên Khổng Tử cũng chẳng dám bàn gì về Thiên, nhưng ông vẫn tin Thiên ở rất gần và ở ngay trong con người. Ông nhận định: “Qui thần chi vi đức, kỳ thịnh hỹ hồ! Thị chi nhi phát kiến, thính chi nhi phát văn; thể vật nhi bất khả di... phù vi chi hiển”, nghĩa là những linh lực siêu nhiên tạo nên sức mạnh thật là sung mãn vậy thay! Nhìn mà không thấy, lóng tai mà không nghe; lóng trong vạn vật mà chẳng bỏ sót... ôi kín ẩn mà vẫn hiển hiện (*Trung Dung*⁶, chương XIV). Cảm thức của ông thật gần gũi với Thiên, và với những linh lực siêu nhiên vốn thuộc về Thiên.

“Quân tử úy thiên mệnh: người quân tử sợ mệnh Trời” (*Luận Ngữ*, XVI). Ông có thái độ kính sợ Thiên, cùng sự nhìn nhận quy luật của Thiên và tác giả của muôn loài.⁷ Ở một điểm khác, Khổng Tử cũng nói: “bất oán Thiên, bất vu nhân, hạ học nhi thượng đạt. Tri ngã giả, kỳ thiên hồ: không oán Trời, chẳng trách người, học được chút tri thức thường ngày, từ đó hiểu sâu sắc đạo lý lớn. Biết ta, chỉ có Trời thôi vậy.” (*Luận Ngữ* XIV, 35). Qua đó, ông thấy mình có trách nhiệm thờ Thiên và theo đạo của Thiên mà ăn ở ngay chính, có bổn phận học hành để mong hiểu được ý Thiên; từ đó, ông dạy dỗ các môn đệ sống với thái độ thờ và tôn kính Thiên qua việc học và sống đạo *Trung Dung*. Tất cả điều ấy thể hiện rằng Khổng Tử đã nhận biết và tin vào một vị Thượng Đế Tối Cao (Thiên), hay nói cách khác, ông là một người “hữu thần”. Đó là cơ sở để ông nói về đạo đức và cách riêng bàn về đạo *Trung Dung*. Những khái niệm Đạo, Nhân, Thành và Thánh nhân, vốn được nhắc đến trong tác phẩm *Trung Dung*, có tương quan mật thiết với Thiên và phần nào phác họa lên những phẩm tính của Thiên.

Đạo 道

Đạo có nhiều tầng nghĩa:⁸(1) đường; (2) cái lẽ nhất định ai cũng phải noi theo; phương pháp, phương hướng; (3) chân lý; (4) tư tưởng, học thuyết. Tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân: nghĩa là sửa mình cốt ở Đạo, sửa Đạo cốt ở lòng Nhân (chương XX). Trong trường hợp này, có thể hiểu rằng Đạo là chân lý, là sự thật vốn được ban sẵn cho con người. Quân tử tuân Đạo nhi hành, nghĩa là bậc quân tử nương theo Đạo chánh mà đi (chương XI). Để sửa mình, thì cốt yếu người đó phải tuân theo chân lý và sự thật, điều này rõ nét ở lòng nhân (giúp con người trở nên ngay chính, đầy tình yêu thương). Nguyễn Đăng Thục nhận định về Đạo: Đạo có hai phương diện thống nhất là Đạo Trời và Đạo Người, khởi điểm và chung quy về chữ Thành: “Thành giả, thiên chi đạo dã. Thành chi giả nhân chi Đạo dã: Thành thật là Đạo trời vậy. Làm cho nên thật là Đạo Người.”⁹ Như thế dung mạo của Đạo trong đời sống của con người được tỏ lộ khi đặt trên nền tảng là sự thành thật. Nếu con người không sống chân thành với lòng mình, thì việc sống Đạo là bất khả thi, do đó không thể thăng tiến trên con đường *Trung Dung*.

“Thiên địa chi đạo bác dã, hậu dã, cao dã, minh dã, du dã, cửu dã: Đạo của Trời đất thật là rộng rãi, dày dặn, cao cả, sáng láng, xa tắp, bền lâu” (chương XXVI). Theo lẽ đó, Đạo là sự tỏ ra của

⁶ Tất cả những câu trích trong tác phẩm *Trung Dung* của bài viết này, được lấy theo bản dịch của Lý Minh Tuấn, *Tứ Thư Bình Giải* (Tp.HCM: Công ty văn hóa Hương Trang, 2010)

⁷ Thierry Meynard SJ., *The Jesuit Reading of Confucius* (Boston: Brill, 2015), 62.

⁸ “道,” *Từ điển Hán Nôm*, accessed November 30, 2022,

<https://hvdic.thivien.net/whv/%E9%81%93>.

⁹ Nguyễn Đăng Thục, *Lịch sử Triết học Đông Phương* (Hà Nội: NXB Hồng Đức, 2017), 205.

Thiên, Đạo đến với và bao lấy con người, Đạo vô cùng cao quý, mệnh mông và vững bền, khiến con người thấy mình thật bé nhỏ, và cần phải luôn nương theo mà sống. Quả vậy, Đạo chính là chân lý.

“Đạo bất viễn nhân. Nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo.” Nghĩa là Đạo chẳng xa người. Người nào lập ra Đạo mà rời xa người, chẳng thể làm nên Đạo (chương XIII). Câu này cho thấy Đạo là một đặc tính khiến cho con người thực là người và mang phẩm giá cao quý. Đồng thời, Đạo nơi mỗi con người đều giống nhau và đó chính là điều nối kết con người lại với nhau nên một. Con người cần luôn giữ tính thiêng liêng ấy trong lòng, bằng cách nương theo Đạo mà sống và luôn quý trọng người thân cận mình vì họ cũng có tính thiêng liêng của Đạo nơi mình.

Theo Nguyễn Văn Thọ, có đến ba thứ Đạo, dựa theo thuyết Tam Tài của Nho Giáo: Địa Đạo, Nhân Đạo và Thiên Đạo. Chính Thiên Đạo là điều mà ông cho là Trung Dung.

Trước hết, vì có xác nên con người cần phải khai thác ngoại cảnh, để nuôi dưỡng, chăm sóc xác thân cho được no ấm, khỏe mạnh. Đó là Địa đạo, hay Vật đạo. Thứ đến, vì có tâm hồn, nên con người cần phải ăn ở cho xứng đáng, đối đãi với nhau cho hân hoi, để khỏi hổ thẹn với danh hiệu con người. Đó là Nhân đạo. Sau hết vì con người có Thiên tính, có Thần, nên con người phải sống siêu việt trên bình diện tâm hồn, sống trên bình diện siêu linh, thần thánh hóa mình, để sống phối hợp với Thượng đế ngay từ khi còn ở gian trần này. Đó là Thiên đạo. Người xưa cũng còn gọi đạo ấy là Trung đạo, là đạo Trung Dung, là Chân đạo hay Đại đạo. Thiên đạo thực ra không dạy ta van vái một thần minh nào, dù là siêu việt đến đâu, mà chính là khuyên nhủ, nhắc nhở chúng ta nên nhớ rằng chính mình đã có bản thể thần minh, vì thế nên cần phải trở thành thần thánh.¹⁰

Như vậy, Đạo có thể hiểu chính là dung mạo của Thiên, và Đạo vốn được ban cho con người và ở trong thâm tâm con người. Chính Đạo làm cho con người mang bản tính thiện của Thiên và khao khát vươn đến hoàn thiện bản thân, tức nên thánh nhân. Đạo vô cùng quan trọng và gần với Trung đến nỗi Zhu Shi nhận định rằng: “Đạo là nguồn mạch quan trọng của nguyên lý siêu phàm, vốn cũng gọi là Trung.”¹¹ Từ đây có thể hiểu rõ hơn rằng đạo Trung Dung là đạo của Thiên và là điều giúp con người đạt đến cảnh giới phối Thiên (hợp nhất với Thiên).

Nhân 仁

Để tiến tới đạo Trung Dung, phải bước vào đức Nhân.¹² Do vậy, phần này tìm hiểu về đức Nhân theo tư tưởng của Khổng Tử để có cơ may hiểu hơn phần nào về đạo Trung Dung. Khổng Tử định nghĩa Nhân nghĩa là lòng yêu thương con người. Chữ Nhân 仁 được kết hợp bởi bộ nhân đứng 亻 và bộ nhị 二. Có thể hiểu, chính đức Nhân là cốt lõi để con người là con người, và khiến con người khác với những con vật khác. Bộ nhị trong chữ nhân cho thấy con người luôn cần có nhau để trở nên là con người hơn, đồng thời nêu lên tính liên đới và tính xã hội của con người. Quả thực, con người luôn cần có người khác để có thể tồn tại, phát triển và trở nên chính mình hơn, chứ con người không thể sống một mình và cũng không thể trở nên con người thực sự nếu không có tha nhân.

¹⁰ Nguyễn Văn Thọ, *Con đường huyền nhiệm Trung Dung*, bài thuyết trình tại CQPTGL. <https://nhantu.net/TonGiao/ConduongHuyennhiemTrungdung.htm> accessed February 6, 2023.

¹¹ Cf. Chunqing Li, *Zhong and Zhongyong in Confucian Classics*, trans. Yuan Zhu (Beijing: Foreign Language Teaching and Research Publishing, 2020), 14.

¹² Lý Minh Tuấn, *Tứ Thư Bình Giải*, Op.cit., 1245.

Nhân là chuẩn tắc đạo đức cao nhất của Khổng Tử. Đức Nhân gồm tóm những nhân đức khác, nên nó được xem là Đức cao nhất.¹³ Trong khi “Trung Dung chỉ vi đức dã, kỳ chí hỹ hồ: Trung Dung là cái đạo đức cao cả nhất.” Do đó, việc bàn đến Đức Nhân là không thể thiếu khi nhắc đến Trung Dung. Khi sống trong đức Nhân, lòng con người sẽ an vui, tâm hồn thanh thản, trí khôn sáng suốt, hiểu rõ sự lý trời đất.¹⁴

Đức Nhân (humanity) là đức cao nhất, nhờ đó con người có thể cùng nhau sống thành xã hội. Nhân tóm lại là yêu mọi người.¹⁵ Chính đức Nhân giúp con người có khả năng sống căn tính xã hội của mình một cách hài hòa. Nhận định này, Wing-Tsit Chan cũng đồng tình khi khẳng định rằng đức Nhân sẽ vô nghĩa nếu không đặt trong mối liên hệ giữa các mối tương quan của con người với nhau.¹⁶ “Nhân giả nhân dã”, nghĩa là có lòng nhân mới là con người đích thực (chương XX). Lòng nhân khởi đi từ việc thân yêu những người thân của mình: thân thân vi đại. Từ đó, lòng nhân mở rộng ra để có thể yêu đồng bào và cả nhân loại.

“Trí giả nhạo thủy; nhân giả nhạo sơn; trí giả động; nhân giả tĩnh; trí giả lạc; nhân giả thọ¹⁷: Người trí thích nước; người nhân thích núi; người trí thì hiếu động, người nhân thì yên tĩnh; người trí vui thích, người nhân sống lâu” (chương XXI). Quan điểm về đức Nhân của Khổng Tử rất cao đẹp và có giá trị, nó luôn song hành và cần sự hỗ trợ của Trí. Mặt khác, ý tưởng trên cũng cho thấy người có đức Nhân là người ưa thích sống bình lặng, có một tâm hồn an yên và vững vàng như núi. Họ có khả năng làm chủ bản thân mình và hướng đến một cuộc sống vĩnh hằng.

Cần hiểu rằng, Khổng Tử có phân biệt giữa bậc thánh và bậc nhân – hay còn gọi là bậc quân tử. Bậc thánh là bậc cao nhất, là người giúp ích được cho cả nhân quần 人羣,¹⁸ còn bậc nhân hay bậc quân tử là người mong ước được trở nên thánh nhân, nhờ vậy mà biết lấy cách đối đãi với mình mà đối đãi với người khác¹⁹: “kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân” (Nhan Uyên, số 2). Tóm lại, nhân nghĩa là yêu người và là nền tảng để trở nên thánh nhân. Nhờ nhân mà hiểu được rằng mọi người có tính liên đới và trách nhiệm với nhau: “tứ hải chi nội, giai huynh đệ dã” (Nhan Uyên, số 5); đồng thời thấy được sứ mạng của thánh nhân cũng chính là giúp ích cho tha nhân – giúp đạt đến Chí Thiện.

“Quân tử tố kỳ vị nhi hành; bất nguyện hồ kỳ ngoại: người quân tử hành động ở trong địa vị hiện tại của mình; không mong ước gì ở ngoài, vì thấy tự lòng mình đã no đủ” (chương XIV). Người quân tử có đức Nhân, nghĩa là luôn dành tình yêu hướng về tha nhân, nhưng họ biết hành động trong địa vị của mình và tự thấy nơi lòng mình đã no đủ. Điều này rất khác với tâm thế của một kẻ đứng núi này trông núi nọ hay cứ tìm niềm vui ở bên ngoài. Trái tim của người quân tử hướng về tha nhân, nhưng tự nơi nó đã có sự no đầy và thư thái an bình. Điều đó cho thấy người quân tử có một nội tâm rất cao quý và vững vàng, có một không gian riêng nơi cõi lòng của mình; đó là nguồn vui thánh thiện cũng như là sức sống cho người quân tử. Đồng thời, người quân tử cũng là người có trách nhiệm rất cao với chính mình khi ý thức và kiểm điểm chính mình thường xuyên: “Xạ hữu tự hồ quân tử, thất chư chính học, phản cầu chư kỳ thân:

¹³ Trương Văn Lập, *Đạo*, trans. by Hồ Châu (HCM: NXB Khoa Học Xã Hội, 1998), 60-61.

¹⁴ Lý Minh Tuấn, *Op.cit.*, 1245.

¹⁵ Max Kaltenmark, *Triết học Trung Hoa* (Hà Nội: NXB Thế Giới, 1999), 16.

¹⁶ Wing-Tsit Chan, *A Source Book in Chinese Philosophy*, 4th printing (New Jersey: Princeton University Press, 1973), 104.

¹⁷ Nguyên văn: 知者樂水, 仁者樂山; 知者動, 仁者靜; 知者樂, 仁者壽

¹⁸ Nhân quần nghĩa là: đoàn người, chỉ chung loài người. “人羣,” từ điển Hán Nôm, accessed March 27, 2023, <https://hvdic.thivien.net/hv/nh%C3%A2n%20qu%E1%BA%A7n>.

¹⁹ Nguyễn Hiến Lê, *Đại cương Triết học Trung Quốc*, phần II (TP.HCM: NXB. Thanh Niên, 2004), 367.

bản cung giống như người quân tử, chẳng trúng đích thì quay lại tìm nguyên nhân ở ngay mình” (chương XIV).

Hình Ảnh Thánh Nhân 聖人 – Con Người Đạt Đến Chí Thành 至誠

Thánh Nhân 聖人 – Bạc Chí Thành 至誠

Thánh nhân 聖人 nghĩa là người có đức hạnh cao và thông hiểu sự lí.²⁰ Theo nghĩa chiết tự, chữ thánh 聖 bao gồm bộ nhĩ 耳, bộ khẩu 口 và bộ vương 王, qua đó có thể khám phá ‘thánh’ nghĩa là người có khả năng nghe 耳 tiếng nói 口 của Đấng cai quản 王 và Đấng vượt trên mọi loài, Đấng ấy chính là Thượng Đế hay là Thiên. Đồng thời, người này có khả năng để nói lại 口, truyền lại những lời của Thiên 王 cho thế nhân. Tóm lại, có thể hiểu thánh nhân nghĩa là người có khả năng lắng nghe và hiểu ý định cũng như tiếng nói của Thiên, nghĩa là hợp nhất với Thiên, từ đó tỏ ra sự tốt lành vốn ảnh hưởng tích cực đến con người.

“Thành giả, thiên chi đạo dã; thành chi giả, nhân chi đạo dã. Thành giả, bất miễn nhi trúng, bất tư nhi đắc, thung dung trung đạo: thánh nhân dã.²¹ chân thành là đạo của trời; trở nên chân thành là đạo của người. Có chân thành, không cố gắng mà vẫn trúng, không suy nghĩ mà vẫn được, thông thả thư thái trong Đạo Trung: đó là thánh nhân vậy” (chương XX). Cheng 誠 thường được dịch là chân thành (sincerity) hoặc là hội nhất (integrity). Theo đó, hội nhất ở đây nghĩa là một “tiên trình sáng tạo”, sáng tạo để cái nhiều trở nên cái một.²² Trong bối cảnh đạo Trung Dung, có thể hiểu rằng, Thành là một tiến trình để con người đạt đến thánh nhân, là việc biến “cái mình” còn đang phân mảnh trở nên “cái mình” hoàn thiện và hội nhất.

Chỉ có thánh nhân mới thủ đắc được Đạo của Trời, tức là cái chân thành không cần cố gắng và suy nghĩ. Còn hầu hết con người đang phải tu tập hằng ngày cách kiên trì gian lao để hy vọng đạt đến được chữ Thành. Chân thành hay toàn thiện là Đức của Thiên và cũng là Đức của thánh nhân, mà chân thành là một thực tại vốn có nơi Thiên và nơi thánh nhân bẩm sinh.²³ Như thế, nơi thánh nhân có sự hiện diện tràn đầy của Thiên: “Chí thánh như thần” (chương XXIV). Lúc ấy, người đạt đến Chí Thành có sự hiểu biết và năng lực như thần linh, không còn bị gò bó lệ thuộc trong không gian và thời gian như người thường nữa.²⁴

Điều đáng lưu ý, thánh nhân không những thành tựu nơi mình, nhưng còn tác thành cho mọi vật nữa. “Thành giả, phi tự thành kỷ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã: chân thành, không phải tự mình thành tựu lấy mình mà thôi, lại cốt là phải tác thành cho mọi vật nữa” (chương XXV). Thật vậy, tiến trình con người đạt đến chân thành có sự trợ giúp và gợi hứng từ thánh nhân, tức những vị đã thành tựu nơi mình; đồng thời, con người có trách nhiệm cùng giúp nhau đạt đến sự thành tựu, chứ không hẳn là đi một mình. Nhưng tất cả những trợ lực bên ngoài chỉ là sự chỉ dẫn và trợ giúp, điều chính yếu và mang tính quyết định vẫn là ở cá nhân tự thực hành đạo lý. “Thành giả, tự thành dã; nhi đạo, tự đạo dã. Thành giả, vật chi chung thủy. Bất thành vô vật. Thị cố quân tử thành chi vi quý: chân thành là tự mình thành tựu; còn đạo lý là tự mình đi trong đạo lý vậy” (chương XV).

²⁰ “聖人,” từ điển Hán Nôm, accessed January 31, 2023, <https://hvdic.thivien.net/whv/%E8%81%96>.

²¹ Nguyên văn: 誠者天之道也誠之者人之道也誠者不勉而中不思而得從容中道聖人也

²² David L. Hall and Roger T. Ames, *Focusing the Familiar a Translation and Philosophical Interpretation of the Zhongyong* (USA: University of Hawai'i Press, 2001), 24.

²³ Lý Minh Tuấn, *Trung Dung thuyết minh* (2001), chương XXV.

²⁴ Ibid., chương XXVI.

Chân thành là khởi đầu và cùng đích của mọi vật. Không có chân thành không có vật nào hết. Vậy nên bậc quân tử quý trọng sự chân thành nơi con người và nơi vạn vật (chương XXV). Từ đó, có thể thấy, Thành là một nhân đức vô cùng quan trọng vốn ảnh hưởng đến mọi người và mọi thứ khác. Quả thực, nếu một người không nhìn nhận mọi thứ trên nền tảng lòng chân thật thì mọi thứ chỉ là hư ảo.

“Thành tựu cho mình gọi là Nhân, còn thành tựu cho mọi vật gọi là Trí” (chương XXV). Như thế, đức Thành còn bao hàm cả đức Nhân và đức Trí. Trong khi đức Nhân là cốt lõi của một con người, đức Trí là nền tảng trong việc tương tác với tha nhân. Chữ Thành vừa giúp nhìn vào chiều sâu của con người (Nhân), vừa thể hiện sự liên đới của con người với những người khác trong xã hội và thế giới (Trí).

Chỉ có người có được đức “Thành” tối cao trong thiên hạ mới có thể thể hiện được hết cái bản tính thiên phú của mình. Thể hiện được hết bản tính của mình thì phát huy được hết bản tính của người. Phát huy được hết bản tính của người mới phát huy được hết bản tính của vật. Phát huy được hết bản tính của vật thì có thể giúp cho sự hóa dục của Trời Đất. Giúp cho sự hóa dục của Trời Đất mới có thể cùng với Trời Đất đứng sánh làm ba vậy (Chương XXII).²⁵

Chữ Thành diễn tả con người có tính liên đới và ảnh hưởng rất mạnh mẽ với nhau. Không chỉ sự liên đới con người với nhau, nhưng còn sự hiệp nhất của con người với Thiên và Địa, có thể ngầm hiểu trong tương quan với thực thể thiêng liêng cao cả và với toàn thể thụ tạo.

Trung Dung đề ra ba phương pháp chính yếu để giúp con người tiến tới hoàn thiện hay đạt đến chữ Thành (chương XX): Trí - mở mang trí tuệ để có thể hiểu biết thấu đáo và sáng suốt phân định; Nhân - yêu thương con người bằng hành động và làm những điều lành; và Dũng - cố gắng phát triển năng lực tinh thần để làm chủ bản thân cũng như vượt qua những khó khăn thử thách. Qua đó, có thể thấy rõ, Khổng Tử thực sự là một triết gia, đã dựa vào lý trí con người (Trí) để khai phá và phát triển đời sống đạo đức (Nhân). Không lạ lắm khi Khổng Tử đã đề ra con đường học vấn rất chỉnh chu ngay từ thời bắt đầu có nhận thức đúng đắn. Mục tiêu cao nhất của việc học, với Khổng Tử, là để làm người, để sống đạo đức và để hòa hợp với Thiên. Ngay từ chương đầu tiên trong quyển Luận Ngữ, ông đã đề cập ngay đến việc học này: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?”²⁶ Câu này có nghĩa việc học đem lại cho ông niềm vui thỏa trong lòng và góp phần đạt đến ý nghĩa đời người. Một khi ông đã học điều gì, ông dành toàn bộ tâm trí và con người mình để tìm hiểu rành mạch bối cảnh và đi sâu vào từng chi tiết, đọc giả sẽ hiểu rõ hơn tinh thần khám phá của ông qua câu chuyện ông theo thầy Sư Tương Tử học đàn. Quả thực, ông là một gương sáng cho những ai nghiên cứu hay học hỏi một điều gì trong cuộc sống. Thêm vào đó, Khổng Tử còn nói đến thái độ khi học, dĩ nhiên học để hiểu biết, nhưng đó chưa bằng học vì yêu thích, và cao nhất là học với niềm vui hoan hỷ: Tri chi giả bất như hiếu chi giả, hiếu chi giả bất như lạc chi giả (*Luận Ngữ* VI, 20).

Cụ thể hơn, Khổng Tử còn chỉ ra phương pháp học tập qua năm từ khóa: học rộng, hỏi kỹ, nghĩ cẩn thận, phân tích sáng tỏ và làm hết lòng (*Trung Dung*, XX). Chính nhà triết học khai sinh ra giáo dục thực nghiệm John Dewey đã áp dụng năm bước này của Khổng Tử để hình thành phương pháp giáo dục trẻ em.²⁷ John Dewey cũng đã đưa ra một nhận định: “giáo dục chính là

²⁵ Nguyên văn: 唯天下至誠為能盡其性能盡其性則能盡人之性能盡人之性則能盡物之性能盡物之性則可以贊天地之化育可以贊天地之化育則可以與天地參矣 - Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính, tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ.

²⁶ Khổng Tử, *Luận Ngữ*, chương I [lấy theo bản của Dương Bá Tuấn, *Luận ngữ chú giải*, trans. Ngô Trần Trung Nghĩa (Hà Nội: NXB Văn Học, 2019).

²⁷ Wing-Tsit Chan, *Op.cit.*, 107.

cuộc sống, chứ không phải là để chuẩn bị cho cuộc sống.” Xét ra, John Dewey cũng giống Khổng Tử ở chỗ đề cao việc học và đều xem đó là một phần của cuộc sống con người; nhất là việc học nhắm đến thực hành, tức là chính cách sống của con người. Khổng Tử vận dụng tất cả trí khôn và trái tim của mình để học và dùng việc học để giúp mình thành tựu; đồng thời giúp cho người khác cũng thành tựu (đạt đến chữ Thành).

Đối với Khổng Tử, một người đạt đến tình trạng thánh nhân, cũng hiểu rằng người ấy đã hoàn thiện bản thân mình đồng thời có tác động giúp mọi vật đạt đến thành tựu của chúng. Có thể nhìn lại những đặc nét chính yếu của bậc thánh nhân: đó là người ham học hỏi, có phân định tốt (Trí); là người yêu mến và phục vụ tha nhân (Nhân) và là người biết làm chủ mình, biết hổ thẹn với những điều thấp hèn và có ý hướng vươn lên những điều cao quý (Dũng). Đặc biệt, thánh nhân được hiểu là người đã hòa hợp với Thiên, vì chính sự Thiện nơi Thiên được tỏ lộ cách tràn đầy nơi thánh nhân. Đích đến của đời sống con người chính là đạt đến tình trạng ấy: Chí Thành – Chí Thiện – Thánh Nhân. Tất cả đều là một: hợp nhất với Thiên (phối Thiên).

Cảm Hóa Tha Nhân

Bậc thánh nhân cảm hóa tha nhân

Xét cho cùng, sự Thiện đích thực chỉ có thể tỏ lộ ra trong tương quan với tha nhân và trong đối xử của con người với nhau.²⁸ Dĩ nhiên, sự Thiện có giá trị tự thân (không lệ thuộc vào sự tồn tại của con người), nhưng khi tỏ lộ nơi con người, sự Thiện cần những mối tương quan con người với nhau để có thể được con người nhận thấy, qua những suy tư, hành động, cách hành xử hay những lời nói với nhau. Sự Thiện có sức lan tỏa, thể hiện ở chỗ khi một người đạt đến mức quân tử hay thánh nhân, sự hiện diện của người ấy có sức chất vấn và truyền cảm hứng đến những người bên cạnh, khiến mọi người cùng muốn đạt đến sự Thiện.

“Thị cô quân tử độc cung, nhi thiên hạ bình: bậc quân tử gắng sức giữ mình một cách cung kính thành thật, tự nhiên khắp cả thiên hạ đều được thái bình” (chương XXXIII). Điều đó thể hiện rõ một điều, con người có sự liên đới và ảnh hưởng tác động lên nhau. Nếu có một người sống thành thật, nương theo điều thiện, ắt sẽ ảnh hưởng cách tích cực đến những người xung quanh, thậm chí là “khắp cả thiên hạ được thái bình.” Điều này đã được chứng minh rất nhiều nơi những thánh nhân trong dòng lịch sử. Chẳng hạn, Têrêsa thành Calcutta, vốn là một tu sĩ dành cả đời và trọn trái tim để săn sóc những người nô lệ, những người không chốn tựa nương và bị bỏ rơi. Nhờ đó, bà đã mang lại an ủi cho biết bao mảnh đời bấp bênh, đồng thời, bà tạo sức cuốn hút và cảm hóa biết bao con người nhiệt thành khác bước theo lối sống phục vụ của bà. Quả thực, việc làm điều thiện có sức truyền cảm hứng đến bao con người mọi nơi mọi thời.

Một người thực hiện điều xấu, rất dễ lan truyền những điều xấu ấy cho người khác; ngược lại, một người thực hành điều thiện, cũng có sức lan tỏa đến người xung quanh. Do đó, con người luôn có sự liên đới và trách nhiệm với nhau, nhất là có khả năng giúp nhau đạt đến sự Thiện đích thực.

Cảm hóa bằng cách nào?

Trong đạo lý của Khổng Giáo, sự chân thành và tu dưỡng tri thức nơi bản thân mình là điều cần có trước khi lan tỏa đến hay cảm hóa người khác.²⁹ Khổng Giáo luôn đề cao khía cạnh tu dưỡng cá nhân và lan tỏa đến tha nhân, chúng như là hai mặt luôn song hành cùng nhau và tương quan

²⁸ Cf. Daniel K. Gardner, *Confucianism: A Very Short Introduction* (New York: Oxford University Press, 2014), 22.

²⁹ Panos Eliopoulos, “Education and the doctrine of the Mean in Aristotle and in Confucius,” *Проблеми Освиту В Історії Філософії* 37, no.3 (2014), 250.

biện chứng với nhau. Tu dưỡng bản thân mà không tiếp cận với ai hay không cần đến ai khác, thì quả là một điều bất khả thi; và ngược lại, cảm hóa người khác trong khi mình không có nét chân thành và nhân đức nào, thì cũng là một việc không thể.

Khổng Tử nói: “Bất hiển duy đức, bách tính kỳ hình chi... Thanh sắc chi ư dĩ hóa dân, mạc giả: ta nhớ Đức sáng, không cần lớn tiếng không cần dung mạo... Nếu dùng tiếng nói và dung mạo mà cảm hóa dân, ấy là điều ngọn vậ” (chương XXXIII). Như thế, việc cảm hóa người khác không nằm ở dung mạo và tiếng nói, nhưng ở cái Đức 德, đó mới là gốc con người. Quả thực, con người có trách nhiệm sống tốt để cảm hóa nhau, nhưng trước hết cần có cái Đức nội tại, nghĩa là phải có một đời sống đạo hạnh và đức độ, không dính bén danh, lợi, thú, quyền; rồi từ đó, người đó mới có thể cảm hóa những người bên cạnh.

Cái Đức là gì? Đạo là căn cứ của Đức. Đức là thực tiễn của đạo. Đạo và Đức gắn bó mật thiết với nhau “chí vu đạo, cứ vu đức,” nghĩa là cái chí ở như đạo, chỗ dựa ở như đức.³⁰ Như thế, người có cái Đức nội tại phải là người nương theo Đạo có sẵn trong mình mà sống. Người có Đức phải tỏ ra bằng hành động thực tiễn chân chính của mình: “vi chính dĩ đức,” nghĩa là lấy đức để thực thi chính sự.³¹ Đó cũng là mục đích cao quý của Đạo Đức, gắn liền với sự chân chính, tỏ ra nơi hành động và tác động đến tha nhân cũng như vạn vật. Theo từ điển Hán Nôm, Đức 德 nghĩa là phẩm chất tốt đẹp, quy phạm mà con người phải tuân theo. Nó cũng đồng nghĩa với chữ Thiện.³² Tóm lại, con người đạt đến chữ Thành, có thể cảm hóa những người khác bằng chính cái Đức nội tại của mình, thể hiện qua lối sống, lối nhìn nhận và cách hành xử của mình. Mọi suy nghĩ, lời nói và hành vi của bậc thánh nhân, sẽ luôn có sức mời gọi nơi tha nhân một sự hướng lên điều cao thượng và hoàn thiện, bởi bậc thánh nhân đang mang sức mạnh nội tại của Thiên, đó là sự Thiện Tột Bậc.

Chung quy lại, chính nhờ cái Thiện vốn có nơi con người và Chí Thiện – điều Thiện cao cả mà con người mong đạt đến, mới thực sự trở thành động lực sống và ý nghĩa cao cả cho đời sống con người. Những nỗ lực khám phá tư tưởng Nho giáo qua các khái niệm căn bản nhưng quan trọng và liên hệ đến Đạo Trung Dung ngang qua bài viết này, dù còn nhiều hạn chế, hy vọng góp phần một cái nhìn mở, gợi hứng một triết lý sống từ thời cổ đại nhưng luôn mới mẻ giúp con người khám phá và đạt đến những điều cao quý và thiện hảo, vốn là ý nghĩa và giá trị của đời người.

Tài liệu tham khảo

Sâm Hiền An & other, *Thiên*, trans. Nguyễn Duy Hinh (HCM: NXB Khoa học Xã hội, 2003), 19.

Zhang Dainian, *Key Concepts in Chinese Philosophy*, trans. Edmund Ryden (USA: Yale

Zhang Dainian, *Op.cit.*, 4

Nguyễn Văn Thọ, *Con đường huyền nhiệm Trung Dung*, bài thuyết trình tại CQPTGL. <https://nhantu.net/TonGiao/ConduongHuyennhiemTrungdung.htm> accessed February 6, 2023.

Cf. Chunqing Li, *Zhong and Zhongyong in Confucian Classics*, trans. Yuan Zhu (Beijing: Foreign Language Teaching and Research Publishing, 2020), 14.

³⁰ Trương Lập Văn, *Op.cit.*, 62.

³¹ Trương Lập Văn, *Op.cit.*, 61.

³² “德,” *Từ điển Hán Nôm*, accessed February 1, 2023, <https://hvdic.thivien.net/hv/%C4%91%E1%BB%A9c>.

Lý Minh Tuấn, *Từ Thư Bình Giải*, Op.cit., 1245.

“聖人,” từ điển *Hán Nôm*, accessed January 31, 2023,

<https://hvdic.thivien.net/whv/%E8%81%96>.

Nguyễn văn: 誠者天之道也誠之者人之道也誠者不勉而中不思而得從容中道聖人也

David L. Hall and Roger T. Ames, *Focusing the Familiar a Translation and Philosophical Interpretation of the Zhongyong* (USA: University of Hawai‘i Press, 2001), 24.

Lý Minh Tuấn, *Trung Dung thuyết minh* (2001), chương XXV.

Biodata

Trịnh Thái Sơn là tu sỹ Dòng Tên, Việt Nam, và là sinh viên Triết 3 tại Học Viện thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam.

Trinh Thai Son is a Jesuit of the Society of Jesus, Vietnam. He is also a third year student of Philosophy at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.